

Bản án số: 540/2024/DS-PT

Ngày: 18-11-2024

V/v Tranh chấp Đòi lại tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Vũ.

*Các thẩm phán:*

1. Bà Phạm Ngọc Giàu;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3, ngày 05 tháng 4 và ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Thông báo ngày xét xử số 01/TB-TA ngày 11-11-2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị S, sinh năm 1956; cư trú tại: Số A, đường T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bà S:** Ông Võ Văn S1, sinh năm 1971; cư trú tại: Số C, đường C, Khu phố G, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 07-9-2022); có mặt.

2. **Đồng bị đơn:**

2.1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1948; cư trú tại: Số B (số cũ B), đường P, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T:** Ông Lê Doãn T1 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Doãn T1 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

2.2. Chị Võ Thị Thanh T2, sinh năm 1987; cư trú tại: Tô A, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T2:* Ông Nguyễn Thế T3 – Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1946; cư trú tại: Số I, tổ D, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà T4:* Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1988; cư trú tại: Số D, Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 23-12-2022); có mặt.

3.2. Bà Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Bà Võ Thị B, sinh năm 1959; cư trú tại: Số B, đường số F, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.4. Bà Võ Thị L, sinh năm 1962; cư trú tại: Số E, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Ông Võ Ngọc T5, sinh năm 1966; cư trú tại: Số A, đường số F, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà N, bà B, bà L và ông T5:* Chị Nguyễn Kim Khánh L1, sinh năm 2000; cư trú tại: G đường C, Khu phố A, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 27-12-2022); có mặt.

3.6. Anh Võ Hồng T6, sinh năm 1982; cư trú tại: B, đường P, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.7. Anh Võ Hồng T7, sinh năm 1985; cư trú tại: Số D, hẻm B, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T7:* Ông Nguyễn Thế T3 – Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

*Người kháng cáo:* Bà Võ Thị S, là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị S và người đại diện hợp pháp của bà S, ông Võ Văn S1 trình bày:* Năm 2002, cụ Võ Văn B1 và cụ Đinh Thị H1 khởi kiện bà Võ Thị T và ông Võ Văn T8 về tranh chấp quyền sử dụng phần đất thửa số 644, tờ bản đồ số 01, diện tích 335 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện H (nay là khu phố L, phường L, thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Tại Bản án sơ thẩm số 63/STDS ngày 05-9-2002 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã H) và Bản án phúc thẩm số 184/PT-DS ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên: “*Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà*

*Đinh Thị H1, Buộc ông Võ Văn T8 và bà Võ Thị T thanh toán 2/3 trị giá đất tranh chấp cho bà Đinh Thị H1 là 70.000.000 đồng. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01453/QSDD/D12 cấp ngày 17-8-1993 của ông Võ Văn T8 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04872/QSDD/1429/2000/XN-UB(H) cấp ngày 16-10-2000 của bà Võ Thị T... ”.* Sau khi Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực, cụ B1, cụ H1 không đồng ý và đã làm đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết nên không làm đơn yêu cầu thi hành bản án trên, cũng như phía ông T8, bà T không ai yêu cầu thi hành bản án này.

Năm 2011 cụ Đinh Thị H1 chết; năm 2015 cụ Võ Văn B1 chết đều không để lại di chúc, hai cụ chung sống có 06 người con, gồm bà Võ Thị T4, Võ Thị Huỳnh N, Võ Thị S, Võ Thị B, Võ Thị L và Võ Ngọc T5, không có con riêng, con nuôi, hai cụ chưa phân chia tài sản cho các con liên quan đến số tiền được nhận theo Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Bà S và chị, em của bà S đồng ý với quyết định của Bản án số 184/PT-DS ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, không khiếu nại nữa, nhưng do đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, nên bà Võ Thị S khởi kiện bà Võ Thị T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T8 gồm chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Võ Thị S và các anh chị em của bà S 2/3 giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp theo giá thực tế thị trường mà Hội đồng định giá đã xác định 23.664.000 đồng/m<sup>2</sup> X diện tích 236,8 m<sup>2</sup> (giảm 98,2m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp CNQSDĐ là 335 m<sup>2</sup>). Bà S đồng ý chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản.

*Bị đơn, bà Võ Thị T trình bày:* Năm 2011, cụ Võ Văn B1 và cụ Đinh Thị H1 có khởi kiện bà và ông Võ Văn T8 về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích trên và đã được Tòa án nhân dân huyện HT xét xử tại Bản án sơ thẩm số 63/STDS ngày 05-9-2002 và Bản án phúc thẩm số 184/PT-DS ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Bà không đồng ý nên có làm đơn khiếu nại lên Tòa án cấp cao nhưng đến nay chưa nhận được kết quả giải quyết. Bà chưa thi hành số tiền phải trả cho cụ B1, cụ H1 và tiền án phí theo Bản án phúc thẩm đã tuyên, vì sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử cho đến nay, bà chưa nhận được yêu cầu thi hành án của cơ quan thi hành án và cụ H1 cũng không yêu cầu thi hành số tiền trên. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì thời hiệu thi hành án của bản án trên đã hết, bà đồng ý trả lại cho chị, em bà S số tiền 35.000.000 đồng, bằng 1/2 số tiền 70.000.000 đồng theo Bản án phúc thẩm đã tuyên.

*Bị đơn, chị Võ Thị Thanh T2 trình bày:* Cha chị là ông Võ Văn T8, chết năm 2015, mẹ là bà Nguyễn Thị T9, hai người chung sống có 03 người con gồm anh Võ Hồng T6, anh Võ Hồng T7 và chị, cha chị không có con riêng, con nuôi và cha mẹ đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn

số 46/STDS ngày 10-8-1988 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cha mẹ chị ly hôn, cha chị không kết hôn với ai khác; ông bà nội của chị cũng đã chết, do đó anh em chị là hàng thừa kế thứ nhất của ông T8.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ H1 với cha chị và bà Võ Thị T, chị không biết cha chị có khiếu nại bản án này hay không, nhưng trước khi chết cha chị chưa trả số tiền 35.000.000 đồng cho cụ B1, cụ H1. Anh, em chị đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trả lại cho chị, em của bà S số tiền 35.000.000 đồng, bằng  $\frac{1}{2}$  số tiền 70.000.000 đồng theo Bản án phúc thẩm đã tuyên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Võ Thị T4, bà Võ Thị Huỳnh N, bà Võ Thị B, bà Võ Thị L và ông Võ Ngọc T5 trình bày:* Các ông, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà S, không có yêu cầu gì khác.

*Anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 trình bày:* Các anh thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị Thanh T2, không bổ sung thêm.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 313 của Bộ luật Dân sự năm 1995, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 357, 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” đối với bà Võ Thị T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T8, gồm chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6.

Buộc bà Võ Thị T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T8, gồm chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 204.246.000 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đình Thị H1 gồm bà Võ Thị T4, bà Võ Thị Huỳnh N, bà Võ Thị S, bà Võ Thị B, bà Võ Thị L và ông Võ Ngọc T5 (trong đó chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông Võ Văn T8 để lại).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-11-2023, bà Võ Thị S kháng cáo cho rằng, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T và các con ông T8 thanh toán  $\frac{2}{3}$  giá trị diện tích đất tranh chấp theo Bản án phúc thẩm số 184 ngày 21-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh cho bà số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 134.260.000 đồng là không phù hợp, vì theo kết quả định giá tài sản, thì giá trị diện tích đất tranh chấp là 5.603.635.200 đồng. Bà S yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm

của Tòa án nhân dân thị xã HT theo hướng buộc bà T và hàng thừa kế của ông T8 có nghĩa vụ thanh toán cho chị, em bà bằng 2/3 giá trị diện tích đất tranh chấp tại thời điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà S, ông S1 cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và các con ông T8 thanh toán cho chị em bà S số tiền 204.246.000 đồng là không phù hợp, vì 2/3 giá trị tài sản bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo Bản án dân sự phúc thẩm số 184 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh chỉ bằng khoảng 04% so với giá trị đất hiện nay. Trong quá trình giải quyết vụ án này, cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá diện tích đất tranh chấp 5.603.635.200 đồng. Bà S yêu cầu bị đơn thanh toán bằng 2/3 giá trị đất theo kết quả định giá diện tích đất thực tế bị đơn sử dụng tương đương số tiền 3.735.756.800 đồng.

Bà S thống nhất với tranh luận của ông S1, không có ý kiến bổ sung.

Luật sư T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng, cấp sơ thẩm xét xử buộc bà T và các con ông T8 trả lại cho bà S và các chị em bà S số tiền 70.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật, đây là nghĩa vụ của bà T và các con ông T8 phải thực hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 184 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đang có hiệu lực pháp luật, mà không phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả Hội đồng định giá đã định mà nguyên đơn yêu cầu, vì trong vụ án này không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất. Bị đơn cũng đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư T3, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T2, anh T7 thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư T1, vì việc tranh chấp quyền sử dụng đất đã được cấp phúc thẩm xét xử theo Bản án số 184 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, theo đó các con ông T8 và bà T chỉ có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng, do đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, do đó nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản mà trước đây chưa thi hành. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán bằng 2/3 giá trị đất theo kết quả định giá là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S.

Bà T, chị T2, anh T7 thống nhất với tranh luận của Luật sư, không tranh luận gì thêm.

Anh H, chị L1 thống nhất với tranh luận của ông S1, không có ý kiến tranh luận thêm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Cụ H1 khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà T, ông T8 được giải quyết theo Bản án phúc thẩm số 184 ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh “*Buộc ông T8, bà T thanh toán 2/3 trị giá đất tranh chấp cho bà H1 là 70.000.000 đồng*”. Đến nay, Bản án phúc thẩm đang có hiệu lực pháp luật, các đương sự chưa thi hành án, đã hết thời hiệu thi hành án, không có văn bản giải quyết khiếu nại bản án này theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm. Cụ H1 đã chết, nên bà S con cụ H1 khởi kiện đòi tài sản cho các đồng thừa kế của cụ H1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T8 là người phải thi hành án đã chết, nên hàng thừa kế của ông T8 gồm anh T6, anh T7, chị T2 thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản thừa kế của ông T8 để lại.

Cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 50/2021; Điều 166, 615 Bộ luật Dân sự, buộc bà T và các con của ông T8 trả cho hàng thừa kế của cụ H1 số tiền 70.000.000 đồng và lãi chậm trả 134.246.000 đồng, tổng cộng 204.246.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà S kháng cáo yêu cầu bị đơn trả giá trị tại thời điểm hiện tại, theo Hội đồng định giá 23.644.000 đồng/m<sup>2</sup> x 236,8 m<sup>2</sup>, thành tiền 3.735.756.800 đồng là không có căn cứ, vì vụ việc tranh chấp đất giữa cụ H1 với bà T, ông T8 đã được giải quyết bằng bản án số 184 ngày 31-12-2002 đã có hiệu lực; do hết thời hiệu thi hành án nên bà S được quyền khởi kiện đòi tài sản số tiền 70.000.000 đồng theo Bản án đã tuyên.

Về án phí: Tuyên các con ông T8 phải chịu 5.106.000 đồng, nhưng không tuyên trong phạm vi di sản thừa kế của ông T8 để lại, làm ảnh hưởng quyền lợi của đương sự, nên đề nghị cấp phúc thẩm tuyên lại cho rõ; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Võ Thị S kháng cáo đảm bảo về thủ tục, trong thời hạn quy định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 01-11-2024, tại Tòa án bà S, bà T, chị T2 thống nhất với biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm ngày 28-9-2023, không yêu cầu định giá lại.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Năm 1964, cụ Đinh Thị H1 là mẹ của bà Võ Thị S có cho cụ Võ Văn H2 là cha của bà Võ Thị T, ông Võ Văn T8 mượn khoảng 300 m<sup>2</sup> đất để ở, gia đình cụ H1 sinh sống phần đất còn lại gần với diện tích đất cho mượn. Năm 1975, cụ H2 về quê sinh sống nên giao phần đất này lại cho bà T, ông T8 quản lý, sử dụng. Năm 1988, cụ Võ Văn B1 là chồng cụ H1 có đơn khiếu nại đòi lại diện tích đất cho cụ H2 mượn, việc khiếu nại kéo dài chưa giải quyết dứt điểm. Năm 1992, ông T8 tự ý kê khai, đăng ký diện tích đất cụ H1 cho mượn và ngày 17-8-1993, ông T8 được Ủy ban nhân

dân (viết UBND) huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết GCN QSDĐ) số 01453 QSDĐ/D12, tại thửa số 664, tờ bản đồ số 1, diện tích 335 m<sup>2</sup>. Năm 2000, ông T8 ký hợp đồng tặng cho bà T diện tích 142,5 m<sup>2</sup>, ngày 16-10-2000 bà T được UBND huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ số 04872 QSDĐ/1429/2000/XN-UB(H), thửa số 1809 (tách ra từ thửa số 664 đã cấp cho ông T8), tờ bản đồ số 1, diện tích 142,5 m<sup>2</sup>. Phần đất ông T8 còn lại sử dụng diện tích 192,5 m<sup>2</sup>.

[3] Tháng 3-2002, cụ H1 khởi kiện bà T và ông T8 đến Tòa án yêu cầu trả lại đất cho mượn; trong vụ kiện này cụ B1 chồng cụ H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/DSST ngày 05-9-2002 của Tòa án nhân huyện HT (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh xét xử: Bác yêu cầu của cụ Đình Thị H1 kiện đòi quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 335 m<sup>2</sup> đối với ông Võ Văn T8. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01453 QSDĐ/D12 cấp ngày 17-8-1993, thửa số 664, tờ bản đồ số 1, diện tích còn lại 192,5 m<sup>2</sup> (trước đây là 335 m<sup>2</sup>) của ông Võ Văn T8. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04872 QSDĐ/D12 cấp ngày 16-10-2000, diện tích 142,5 m<sup>2</sup> (trong diện tích 335 m<sup>2</sup>, thửa số 664 của ông Võ Văn T8). Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01077 QSDĐ/D12 cấp ngày 17-8-1993, thửa số 648, diện tích còn lại 80 m<sup>2</sup> của ông Võ Văn B1.

[4] Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 19-9-2002, cụ H1 kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 184/PT-DS ngày 31-12-2002, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của cụ H1. Buộc ông Võ Văn T8 và bà Võ Thị T thanh toán 2/3 trị giá đất tranh chấp cho cụ H1 là 70.000.000 đồng. Giữ nguyên GCN QSDĐ số 01453/QSDĐ/D12 cấp ngày 17-8-1993 của ông Võ Văn T8 và GCN QSDĐ số 04872/QSDĐ/1429/2000/XN-UB(H) cấp ngày 16-10-2000 của bà Võ Thị T” với các lý do: Đất là của vợ chồng cụ H1 cho cụ H2 mượn, bà T cho rằng cụ H2 đã mua lại phần đất này nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh; xét gia đình bà T, ông T8 đã sử dụng lâu dài, xây nhà ở kiên cố, có công gìn giữ, nộp thuế đất nên buộc trả cho cụ H1 2/3 diện tích nhưng trả bằng giá trị với số tiền 70.000.000 đồng; bà T, ông T8 được sử dụng đất.

[5] Sau khi xét xử phúc thẩm, cụ H1 không yêu cầu thi hành án mà khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm, gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ngày 17-9-2003, theo phiếu báo phát của Bưu điện do bà S cung cấp. Gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, theo “Giấy biên nhận” ngày 30-5-2016, nhưng không nhận được kết quả giải quyết. Năm 2011 cụ H1 chết; trong năm 2015 cụ B1 và ông T8 chết. Sau khi cụ H1 chết các con cụ H1, gồm: Bà Võ Thị B, bà Võ Thị L, ông Võ Ngọc T5 ủy quyền cho ông Phạm Văn T10 (chồng bà S) đại diện tiếp tục nộp đơn đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm, nhưng vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết.

[6] Đối với bị đơn, bà T, ông T8 cũng không đồng ý với quyết định của bản án dân sự phúc thẩm, nên ông T8 gửi đơn khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Công văn số 96 CV/DS ngày 28-01-2005, của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm cho ông T8 là không có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm số 184. Sau khi nhận được Công văn số 96 CV/DS ngày 28-01-2005, bà T, ông T8 biết được việc xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nhưng vẫn không tự nguyện thi hành án số tiền 70.000.000 đồng cho cụ H1. Xét thấy, Bản án dân sự phúc thẩm số 184/PT-DS ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp nhận yêu cầu đòi đất của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 2/3 diện tích đất tranh chấp, việc Tòa án xét xử buộc trả bằng tiền chỉ là hình thức thanh toán.

[7] Tại Công văn số 141/CCTHADS ngày 15-03-2023 và Công văn số 397/CCTHADS ngày 06-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT trả lời cho Tòa án là chưa thụ lý, tổ chức thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 184/PT-DS ngày 31-12-2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, do không có đơn yêu cầu.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S thấy rằng, phần đất tranh chấp là của cụ H1, cụ B1 cho cụ H2 mượn, khi gia đình cụ H2 chạy giặc cần quét trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ từ Long An lên Tây Ninh sinh sống không có đất để ở; sau khi thống nhất đất nước, cụ H2 về quê giao đất lại cho con là bà T, ông T8 sử dụng, thì ông T8 tự ý kê khai, đăng ký và được cấp GCN QSDĐ, trong khi cụ B1 đang khiếu nại đòi lại đất cho mượn chưa được giải quyết. Để đảm bảo lẽ công bằng và quyền quyền lợi cho các con của cụ B1, cụ H1, chấp nhận kháng cáo của bà S, buộc bà T và hàng thừa kế của ông T8 có nghĩa vụ thanh toán bằng 2/3 giá trị diện tích bà T, các con ông T8 đang quản lý theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 28-9-2023; cụ thể như sau:

[8.1] Bà T đang quản lý, sử dụng diện tích đo đạc thực tế  $106,6 \text{ m}^2 \times 23.664.000 \text{ đồng} = 2.527.315.200 \text{ đồng}$ ; bà T có nghĩa vụ thanh toán bằng 2/3 giá trị đất cho chị, em bà S số tiền 1.684.876.800 đồng.

[8.2] Hàng thừa kế của ông T8 đang quản lý, sử dụng diện tích đo đạc thực tế  $130 \text{ m}^2 \times 23.664.000 \text{ đồng} = 3.076.320.000 \text{ đồng}$ ; chị T2, anh T7, anh T6 có nghĩa vụ thanh toán bằng 2/3 giá trị đất cho chị, em bà S số tiền 2.050.880.000 đồng.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S không là không có căn cứ, không được chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của bà S; sửa bản án sơ thẩm.

[10] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí trích lục hồ sơ số tiền 19.153.000 đồng, bà S tự nguyện chịu; ghi nhận bà S đã nộp và thanh toán xong.

[11] Về án phí.



[11.1] Bà Võ Thị T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11.2] Chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11.3] Bà Võ Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 6, 166, 357, 615 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị S; sửa Bản án sơ thẩm số 138/2023/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” đối với bà Võ Thị T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T8, gồm chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6.

Buộc bà Võ Thị T và hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn T8, gồm chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 có nghĩa vụ thanh toán số tiền tổng cộng 3.735.756.800 đồng (ba tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm đồng), trong đó bà Võ Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.684.876.800 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm đồng) và chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.050.880.000 đồng (hai tỷ, không trăm năm mươi triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ Đình Thị H1, gồm bà Võ Thị T4, bà Võ Thị Huỳnh N, bà Võ Thị S, bà Võ Thị B, bà Võ Thị L và ông Võ Ngọc T5.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3.** Về chi phí tố tụng: Số tiền 19.153.000 đồng (mười chín triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng), bà Võ Thị S tự nguyện chịu; ghi nhận bà S đã nộp và thanh toán xong.

**4.** Về án phí:

**4.1.** Bà Võ Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**4.2.** Chị Võ Thị Thanh T2, anh Võ Hồng T7, anh Võ Hồng T6 phải chịu 73.017.000 đồng (bảy mươi ba triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã HT;
- CCTHADS thị xã HT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Vũ**